

VỀ MỐI QUAN HỆ CỘNG TÁC - CỘNG TRỊ NHẬT - PHÁP Ở VIỆT NAM TRONG THẾ CHIẾN II VÀ NGUYÊN NHÂN CỦA CUỘC ĐẢO CHÍNH NGÀY 9-3-1945

(Tiếp theo và hết)

PHẠM HỒNG TUNG*

6. Trong giai đoạn này, về phía thực dân Pháp, sự cộng tác - cộng trị của họ với Nhật Bản cũng chỉ là một lựa chọn bất buộc, mang tính thực dụng cao. Như đã nêu ở trên, trong tình thế cô lập hoàn toàn, thực dân Pháp ở Đông Dương đã quyết định chịu khuất phục, hợp tác với quân Nhật nhằm bảo toàn tính mạng của hơn 40 nghìn người Pháp, bảo vệ "chủ quyền" và duy trì sự hiện diện của nước Pháp ở xứ thuộc địa này. Sự đầu hàng nhục nhã này là một tính toán khôn ngoan đầy ích kỷ, sẵn sàng hy sinh cả danh dự, uy tín của "nước mẹ Đại Pháp" vì mạng sống và quyền lợi ích kỷ của bè lũ thực dân.

Trên thực tế, cũng giống như quân phiệt Nhật, thực dân Pháp đã thi hành một chính sách tráo trở đầy mạo hiểm. Đối với dân bản xứ, những người mà họ tự cho là có sứ mệnh "bảo hộ", thì sự đầu hàng trước quân Nhật đã làm cho những "ông chủ" thực dân mất uy tín nghiêm trọng. Không phải ngẫu nhiên mà ngay khi nước Pháp đầu hàng phát xít Đức ở châu Âu và thực dân Pháp quỳ gối trước quân Nhật và Thái Lan, vào nửa sau năm 1940 và đầu năm 1941 đã nổ ra liên tiếp trên toàn cõi Việt Nam bốn cuộc nổi dậy vũ trang quyết liệt

(32). Các sự kiện trên chỉ rõ cho thực dân Pháp thấy rằng quảng đại dân chúng Việt Nam đã và vẫn luôn luôn chờ thời cơ thuận lợi để vùng dậy lật nhào ách thống trị ngoại bang, giải phóng dân tộc. Do đó, để đối phó lại, thực dân Pháp đã áp dụng một chính sách hai mặt rất thâm độc. Một mặt, chúng thẳng tay đàn áp tất cả các biểu hiện phản kháng dù là nhỏ nhất của nhân dân Việt Nam. Mục tiêu chủ yếu của sự khủng bố đó là nhằm vào Đảng Cộng sản Đông Dương. Catroux đã không ngần ngại tuyên bố phải "đánh toàn diện" vào tổ chức này, và chỉ trong một thời gian ngắn hơn 2000 cán bộ, đảng viên của Đảng đã bị giết hoặc tù đầy. Không chỉ riêng Đảng Cộng sản Đông Dương mà ngay cả các giáo phái Cao Đài, Hoà Hảo và các tổ chức, cá nhân thân Nhật khác cũng bị thực dân Pháp đàn áp không chút nương tay (33). Mặt khác, Decoux và phe lũ lại áp dụng một chính sách mị dân có hệ thống hòng lừa bịp, mua chuộc sự ủng hộ của dân chúng Việt Nam, đồng thời đẩy lùi các ảnh hưởng của Nhật. Trong suốt gần 100 năm thống trị tại Việt Nam, chưa bao giờ thực dân Pháp lại phải "nặng" ra nhiều thủ đoạn để phỉnh nịnh, mua chuộc dân bản xứ đến như vậy, từ việc cấm

* TS. Trường Đại học KHXH&NV - ĐHQGHN.

đánh chửi người bản xứ ở công sở, tăng lương cho viên chức và binh lính người Việt, lập thêm hàng nghìn trường học mới cho đến việc tổ chức các phong trào thể thao và khuyến khích tuyên truyền lòng yêu nước của thanh niên, học sinh (34).

Đối với quân phiệt Nhật Bản, Decoux và phe lũ cũng thi hành một chính sách hai mặt đầy tráo trở và mạo hiểm. *Một mặt*, thực dân Pháp phải chứng tỏ "thiện ý" hợp tác của mình, ra sức áp bức và bóc lột dân bản xứ để vừa đảm bảo nhiệm vụ giữ gìn "trật tự", vừa đáp ứng đầy đủ mọi yêu cầu về tài lực của quân đội Nhật, mong quân Nhật khoan dung, tôn trọng "chủ quyền", lợi ích và tính mạng của chúng ở Đông Dương. Trên thực tế, kể từ sau tháng 9 năm 1940 thực dân Pháp không bao giờ dám chối từ bất cứ một yêu cầu nào của quân Nhật. Hơn nữa, để chứng tỏ "thiện chí" hợp tác toàn diện với phe Trục, thực dân Pháp ở Đông Dương đã tự nguyện phát xít hoá nền thống trị của chúng. Được sự ủng hộ của Toàn quyền Decoux, một phong trào phát xít, tôn thờ thủ lĩnh Philippe Pétain đã xuất hiện và phát triển khá rầm rộ (35).

Mặt khác, trong khi buộc phải "ngậm đắng nuốt cay" phục tùng và chia sẻ lợi ích với quân phiệt Nhật, thực dân Pháp luôn ngấm ngầm nuôi ý chí ngóc đầu dậy khi thời cơ tới để phục hồi địa vị thống trị của mình ở Đông Dương. Tuy nhiên, trong hai năm đầu, thực dân Pháp chưa dám bộc lộ một động thái phản kháng nào (36). Một phần là do trong thời kỳ này phe Trục đang còn chiếm được thế thượng phong, giành thắng lợi dồn dập trên tất cả các chiến trường. Mặt khác, có lẽ bộ phận thực dân Pháp thuộc phe "kháng chiến" còn đang chọn lựa quan thầy. Mặc dù *Ủy ban Giải phóng dân tộc Pháp (Comité français de*

libération nationale) do Tướng de Gaulle đã được thành lập ở Algérie và tuyên chiến với Nhật Bản từ tháng 12 năm 1941, nhưng chưa chiếm được lòng tin của thực dân Pháp ở Đông Dương (37).

Nhưng khi Hồng quân Liên Xô bắt đầu giành được những thắng lợi quyết định trên chiến trường châu Âu thì thái độ của thực dân Pháp ở Đông Dương bắt đầu thay đổi. Tháng 3 năm 1943 một nhóm quân nhân Pháp có tinh thần chống Nhật đã hình thành ở Hà Nội do Tướng Eugène Mordant, Tổng tư lệnh quân Pháp ở Đông Dương cầm đầu. Nhóm này đã cử Đại úy Philippe Milon trốn sang Algiers bắt liên lạc với Chính phủ kháng chiến của de Gaulle. Từ tháng 9 năm đó trở đi, nhóm này đã thường xuyên giữ liên lạc điện đài với Chính phủ de Gaulle để nhận các chỉ thị chuẩn bị "kháng chiến" chống Nhật. Tháng 10 năm 1943, nhận thấy "gió đã xoay chiều", Toàn quyền Decoux cũng bí mật cử sứ giả của ông ta, cựu nhân viên ngân hàng Đông Dương là François, đi Algiers bắt liên lạc với de Gaulle (38).

7. Trong cơn mắt tưng Charles de Gaulle, Đông Dương như một "*con tàu lớn đang bị mất tay lái*" (39). Ngay khi còn đang phiêu dạt ở London, trong một bài phát biểu trên đài Anh vào tháng 6 năm 1940, ông ta đã tìm cách trấn an thực dân Pháp ở các thuộc địa, kêu gọi họ "*hãy tin rằng... nước Pháp chưa hề mất gì. Nước Pháp không đơn độc. Nước Pháp có cả một đế chế rộng lớn hậu thuẫn mình!*" (40). Ngay sau khi quân Nhật tấn công vào Pearl Harbour (Trần Châu Cảng, 7-12-1941) *Ủy ban Giải phóng Dân tộc Pháp* do De Gaulle đứng đầu đã công khai tuyên chiến với Nhật và kêu gọi người Pháp và dân chúng Đông Dương chống lại quân Nhật. Song trên thực tế, cho đến trước

tháng 8 năm 1943, chính phủ lưu vong của ông ta không thể làm gì để tham gia vào cuộc "kháng chiến" ở Đông Dương. Một mặt, thực lực quân sự và chính trị của Chính phủ de Gaulle lúc đó còn quá yếu. Mặt khác, phe Đồng Minh, đặc biệt là Mỹ, không muốn cho phép lực lượng của de Gaulle tham gia vào cuộc chiến ở Thái Bình Dương (41). Điều đặc biệt đáng lưu ý ở đây là: chưa bao giờ de Gaulle và chính phủ kháng chiến của ông ta bộc lộ rõ thái độ lên án hành vi hợp tác với Nhật và phát xít hoá chế độ cai trị của tập đoàn Decoux ở Đông Dương, cho dù lúc đó tập đoàn Decoux công khai tuyên bố trung thành với Chính phủ Vichy và Thống chế Pétain, thậm chí không tiếc lời phỉ báng de Gaulle.

Chỉ từ sau khi cục diện chiến tranh bắt đầu thay đổi bất lợi cho phe Trục thì Chính phủ lưu vong của de Gaulle mới gia tăng các nỗ lực vận động Đồng Minh Anh-Mỹ cho phép họ tham gia chống Nhật ở Viễn Đông. Tháng 8 năm 1943, một nhóm chuẩn bị cho việc tái chiếm Đông Dương do Tướng R. Blaizot cầm đầu đã được thành lập ở Algiers, chiêu mộ được một đội quân khoảng 500 đến 700 người gọi là *Corps Léger d'Intervention (CLI)*. Đồng thời, một số nhóm mật vụ Pháp đã được bí mật cử đi Calcutta và Meerut (Ấn Độ) cải trang trong quân phục lính Anh, lên về bắt mối hoạt động ở Đông Dương (42). Tuy nhiên, dù đã cố gắng hết mình và bằng nhiều cách, phe de Gaulle vẫn không được Tổng thống Mỹ Roosevelt cho phép tham gia vào cuộc chiến ở châu Á.

Chính trong tình huống bế tắc đó thì cả nhóm người Pháp "kháng chiến" của Mordant và nhóm người Pháp thân Trục của Decoux tìm đến Algiers bắt liên lạc và đều được phe de Gaulle hoan nghênh. Tháng 6 năm 1944, vài tuần sau khi quân

Đồng Minh đổ bộ lên Normandie, de Gaulle đã cử phái viên đầu tiên tên là François de Langlade bí mật đến liên lạc với quân Pháp ở Đông Dương. Ngày 5-7-1943 de Langlade nhảy dù từ một phi cơ Anh xuống Bắc Kỳ và bắt được liên lạc với quân Pháp. De Langlade đã ở lại Bắc Kỳ ba tuần để bàn bạc với Tướng Mordant về kế hoạch "kháng chiến" của quân Pháp một khi quân Đồng Minh tấn công quân Nhật ở Đông Dương. Sau khi de Langlade trở về Algiers báo cáo lại tình hình, giữa tháng 8 năm 1944, Chính phủ de Gaulle đã chính thức bổ nhiệm Tướng Eugène Mordant làm *Tổng đại diện kháng chiến (Délégué général de la Résistance)*, chỉ huy toàn bộ việc chuẩn bị tấn công lại quân Nhật ở Đông Dương (43).

8. Cũng chính trong thời gian này chiến cuộc trên mặt trận thứ II của chiến trường châu Âu đã diễn ra những đột biến quan trọng. Sau khi đổ bộ thành công lên Normandie, quân Đồng Minh đã làm thất bại quân phát xít Đức và nhanh chóng chiếm được một số vị trí chiến lược ở nước Pháp. Ngày 25 tháng 8 năm 1944 Paris được giải phóng, de Gaulle tiến vào điện Élysée, tuyên bố sự phục hưng của nước Đại Pháp. Đây là sự kiện quan trọng, trực tiếp ảnh hưởng đến tình hình chính trị ở Đông Dương, *đánh dấu bước chuyển biến căn bản của mối quan hệ cộng tác - cộng trị Pháp-Nhật sang một giai đoạn mới*.

Tin tức về việc giải phóng Paris đã mang lại một luồng sinh khí mới cho hơn bốn vạn người Pháp ở Đông Dương. Nhiều người đã không còn giấu được niềm hân hoan và bày tỏ rõ thái độ thù địch đối với quân Nhật. Ngay cả thái độ của tập đoàn thống trị Decoux cũng thay đổi. Nếu như trước đó không lâu họ còn trịnh trọng tuyên thệ trung thành tuyệt đối với Thống

chế Pétain và công khai phỉ báng Tướng de Gaulle, thì giờ đây họ lảng lạng thảo bỏ ảnh Pétain trên các đường phố và trong công sở (44). Dòng tiêu đề "*République française*" xuất hiện trở lại trên đầu các công văn của chính quyền thuộc địa, thay cho hàng chữ "*État français*" của chính thể thân Trục Vichy (45). Trong bối cảnh đó phái Pháp "kháng chiến" càng được thể, gia tăng hoạt động của mình. Nhiều sĩ quan, binh lính và thậm chí cả thường dân Pháp ở Đông Dương tin rằng giờ phút "phục thù", "rửa hận" của họ đã tới.

Tuy nhiên, ngoài những lời ba hoa, khoác lác của họ ở các quán rượu, người Pháp ở Đông Dương đã không làm được điều gì để thiết thực chuẩn bị cho cuộc "kháng chiến" chống Nhật của họ. Hai nguyên nhân chính của tình hình đó là sự chia rẽ sâu sắc trong giới lãnh đạo tối cao của tập đoàn Pháp thống trị và tình trạng do dự, mất tinh thần nghiêm trọng của tướng lĩnh và binh sĩ Pháp ở Đông Dương.

Ngay từ ngày đầu tiên đến Đông Dương nhậm chức, Toàn quyền Jean Decoux đã không được giới chỉ huy quân sự Pháp ở Đông Dương tin cậy. Trong con mắt của nhiều tướng lĩnh thì ông ta là tay sai của Chính phủ Vichy, kẻ đã đầu hàng Đức, bán rẻ nước Pháp. Ngược lại, trong con mắt của Decoux thì các tướng tá của quân đội thuộc địa vừa bất tài, hèn nhát, vô tích sự lại kiêu căng. Mối bất hoà chung này thể hiện rõ nhất trong trạng thái căng thẳng của quan hệ cá nhân giữa Toàn quyền Decoux và Tổng tư lệnh Mordant. Ngay từ năm 1943 Decoux đã nhiều lần đề nghị Chính phủ Vichy cách chức Mordant. Ngược lại, Mordant đã "vượt mặt" Decoux, bí mật liên lạc với de Gaulle. Khi de Langlade, phái viên của de Gaulle, nhảy dù xuống liên lạc với quân Pháp ở Đông Dương, Mordant đã

ra sức ngăn trở, không cho ông ta tiếp xúc với Decoux (46). Việc này càng khiến cho Decoux tức giận hơn và ngày 23-7-1944 viên toàn quyền này đã ra lệnh bãi chức Mordant, buộc ông ta về hưu. Tuy nhiên, người thay Mordant giữ chức tổng tư lệnh quân đội, Tướng Georges Aymé, lại vốn là thuộc hạ trung thành của Mordant. Thay vì tuyên thệ trung thành với Pétain và Decoux, viên tướng này lại tuyên bố vẫn tuân theo các mệnh lệnh của Mordant. Do đó, trên thực tế, Mordant vẫn là Tổng chỉ huy quân Pháp ở Đông Dương. Mâu thuẫn Decoux - Mordant lên đến đỉnh điểm vào tháng 8 năm 1944, khi de Gaulle chỉ định Mordant làm Tổng đại diện kháng chiến ở Đông Dương. Decoux đã phản ứng quyết liệt, đe dọa từ chức ngay lập tức. De Gaulle đã phải vội vàng phái de Langlade quay lại Đông Dương dàn xếp, xoa dịu Decoux (47). Chính mâu thuẫn trong hàng ngũ cầm quyền này đã không những chỉ vô hiệu hoá mọi cố gắng chuẩn bị "kháng chiến" của quân Pháp mà còn làm cho âm mưu "kháng chiến" ấy sớm bị bại lộ.

Nguyên nhân thứ hai khiến cho những nỗ lực chuẩn bị kháng chiến của quân Pháp kém hiệu quả là trạng thái tinh thần bạc nhược của tướng lĩnh và binh sĩ Pháp. Ngay Mordant, kẻ cầm đầu phái Pháp "kháng chiến", cũng không giấu nổi tâm trạng bi quan, thất bại chủ nghĩa trước đặc sứ của de Gaulle. Philippe Milon, người cùng với de Langlade nhảy dù xuống Đông Dương gặp Mordant, đã phải nhắc nhở viên tướng này: "*Nếu các ngài không hành động gì thì rồi quân Nhật cũng sẽ tống tất cả các ngài vào tù!*" (48). Với tâm trạng đó Mordant đã không làm được gì để tổ chức một cuộc kháng cự có hiệu quả, mặc dù ông ta gần như chắc chắn rằng sớm hay muộn quân Nhật sẽ dùng vũ lực thủ tiêu

nền thống trị của Pháp ở Đông Dương. Khi Sabbattier và một vài tướng lĩnh khác đề nghị tăng cường các vị trí bố phòng ở một số tỉnh để chuẩn bị đối phó với cuộc tấn công của quân Nhật thì Mordant đã gạt đi, vì sợ việc làm đó sẽ khiến quân Nhật hoài nghi. Tối tận ngày 25-10-1944, trong một bức điện gửi cho de Gaulle, Mordant nhận định rằng: trong trường hợp quân Nhật đảo chính thì quân Pháp cùng lắm chỉ kháng cự được 2 đến 4 tuần (49). Nhận định này khiến cho de Gaulle rất lo lắng, và cuối tháng Giêng năm 1945 đích thân de Gaulle và Tổng hành dinh của ông ta đã phải soạn thảo và gửi cho Mordant một kế hoạch hành động chi tiết để đối phó với cuộc đảo chính có thể xảy ra của quân Nhật. Đồng thời, de Gaulle cũng phái Đại úy Paul Mus (dưới biệt danh Caille) nhảy dù trở lại Đông Dương giúp Mordant và tổ chức cái gọi là "*autochtones évolués*" (dân bản xứ tiến bộ), hòng vận động dân thuộc địa tham gia vào nỗ lực "kháng chiến" của quân Pháp. Tuy nhiên, chỉ sau một thời gian ngắn, chính Paul Mus đã phải cay đắng nhận ra rằng kế hoạch này chỉ là một ảo tưởng, bởi lẽ không chỉ Decoux, Mordant mà ngay cả các phần tử Pháp xã hội chủ nghĩa ở Đông Dương cũng không muốn và không thể lôi kéo người Việt Nam vào một hoạt động chung chống Nhật (50).

Việc Paris được giải phóng, sự thay đổi thái độ "hợp tác" của người Pháp ở Đông Dương và đặc biệt, cuộc chuẩn bị "kháng chiến" vừa kém hiệu quả, vừa quá ồn ào, lộ liễu của quân Pháp đã khiến cho quân Nhật thấy cần phải thay đổi căn bản chính sách chiếm đóng của chúng ở Đông Dương.

9. Tuy nhiên sự chuẩn bị "kháng chiến" của quân Pháp không phải là nguyên nhân duy nhất của cuộc đảo chính Nhật - Pháp, cho dù rằng đây là nguyên nhân căn bản

nhất. Diễn biến của cuộc chiến tranh Thái Bình Dương cũng chính là một nguyên nhân khách quan rất quan trọng của cuộc đảo chính Nhật- Pháp.

Như đã trình bày ở trên, tùy thuộc vào diễn biến của cuộc chiến Thái Bình Dương mà trong mỗi thời đoạn cụ thể Đông Dương có vị trí và tầm quan trọng khác nhau trong chiến lược chiến tranh của Nhật Bản, và do đó chính sách của Nhật Bản đối với Đông Dương cũng thay đổi theo. Trước trận Trân Châu Cảng (7-12-1941), đối với Nhật, Đông Dương chỉ có ý nghĩa như một căn cứ hậu cần và một căn cứ quân sự, từ đó có thể tấn công tập hậu vào quân Trung Quốc (Quốc Dân Đảng). Sau trận Pearl Harbour, Đông Dương vừa tiếp tục giữ vai trò là căn cứ hậu cần chiến lược, vừa là bàn đạp tấn công của quân đội Nhật ở Đông Nam Á. Nhưng từ giữa năm 1943, khi quân Đồng Minh bắt đầu phản công, đẩy phe Trục nói chung và quân đội Nhật nói riêng vào thế bị động, từng bước bị đẩy lùi trên khắp các chiến trường thì vị trí của Đông Dương trong chiến lược chiến tranh của Nhật bắt đầu thay đổi. Đặc biệt là sau khi quân Nhật bị thất bại nặng nề cả trên chiến trường Miến Điện và vùng biển Philippines thì Đông Dương trở thành cây cầu nối chiến lược có tầm quan trọng sống còn, nối liền quân Nhật trên lục địa châu Á với lực lượng hải quân ở Đông Nam Á. Nếu mất cây cầu này thì không những toàn bộ quân Nhật ở Đông Nam Á sẽ bị đánh tan mà các cánh quân Nhật ở Hoa Nam cũng rơi vào tình thế bị bao vây. Chính vì thế mà quân Nhật buộc phải giữ Đông Dương bằng mọi giá.

Đến cuối năm 1944, đầu năm 1945, việc quân Đồng Minh đổ bộ, tấn công vào Đông Dương dường như ngày càng có khả năng trở thành hiện thực. Sau khi nhấn chìm hạm đội Nhật ở vịnh Leyte (ngày 24-26

tháng 12 năm 1944), giải phóng Philippines và hoàn toàn làm chủ Biển Đông, từ ngày 12-1-1945 máy bay Mỹ bắt đầu dội bom xuống Sài Gòn, Hà Nội và oanh kích dữ dội các vị trí chiến lược ở dọc theo bờ biển Việt Nam, làm tê liệt hầu như hoàn toàn tuyến đường sắt và đường bộ chiến lược Bắc - Nam.

Theo kết quả nghiên cứu của Stein Tonnesson và một số sử gia khác thì trên thực tế, Mỹ và quân Đồng Minh không hề có kế hoạch đổ bộ lên bán đảo Đông Dương. Tuy nhiên, những đợt oanh kích bằng không quân và hải quân dữ dội đó đã khiến cho cả quân Nhật, quân Pháp và nhiều người khác ở Đông Dương lúc đó thực sự tin rằng một cuộc đổ bộ của quân Đồng Minh đang đến trong một tương lai rất gần (51). Đây là một trong những lý do chính khiến cho quân Nhật thay đổi cách nhìn nhận của chúng về tầm quan trọng chiến lược của Đông Dương: giờ đây Đông Dương không chỉ còn là căn cứ hậu cần, mà đang có khả năng sớm trở thành chiến trường, thành nơi giao tranh, đọ sức quyết liệt giữa quân Nhật và quân Đồng Minh. Theo logic chiến lược đó thì sự cộng tác - cộng trị Nhật - Pháp ở Đông Dương không còn lý do tiếp tục tồn tại. Chính trong bối cảnh đó thì quân Nhật phát hiện ra phong trào "kháng chiến" của thực dân Pháp ở Đông Dương, và do đó Tổng hành dinh chiến tranh của Nhật ở Tokyo đã đi tới quyết định dùng đảo chính quân sự thủ tiêu chính quyền thực dân Pháp, tước vũ khí quân Pháp để trừ hậu họa và rảnh tay đối phó với quân Đồng Minh.

10. Tuy nhiên, cuộc đảo chính quân sự của Nhật vào đêm ngày 9 tháng 3 năm 1945 không đơn thuần chỉ là một "giải pháp tình thế". Như đã trình bày ở trên, ngay từ đầu, khi quyết định cộng tác - cộng trị với thực dân Pháp, quân phiệt Nhật

Bản đã tính đến khả năng và dự phòng phương án dùng vũ lực để thủ tiêu chính quyền thực dân Pháp. Theo nghiên cứu của Kiyoko Kurusu Nitz và một số sử gia Nhật khác thì trên thực tế, ngay từ cuối năm 1943, đầu năm 1944, khi phát hiện ra những liên lạc đầu tiên của quân Pháp ở Đông Dương với De Gaulle, quân Nhật đã bắt đầu chuẩn bị kế hoạch đảo chính lật đổ thực dân Pháp. Khoảng tháng 3 năm 1944, bộ chỉ huy quân đội và tình báo quân sự Nhật (*Kempeitai*) ở Sài Gòn đã chuẩn bị xong một phương án đảo chính dưới mặt danh *Mago Sakusen* (52). Đây là kế hoạch đảo chính chi tiết đầu tiên của quân Nhật ở Đông Dương được đệ trình lên Tổng hành dinh Nhật ở Tokyo (53). Tuy nhiên, cho đến trước tháng 6 năm 1944, Tổng hành dinh Nhật vẫn chưa phê chuẩn bất cứ kế hoạch đảo chính nào của quân đội Nhật, bởi lẽ chừng nào Chính phủ Vichy còn tồn tại thì Tokyo vẫn còn hy vọng duy trì sự cộng tác - cộng trị Nhật-Pháp ở Đông Dương.

Sau khi Chính phủ Vichy sụp đổ, Paris được giải phóng và Chính phủ de Gaulle tuyên bố thành lập (tháng 8 năm 1940), Tokyo buộc phải xem xét lại toàn bộ chính sách của Nhật Bản đối với Đông Dương. Ngày 14-9-1944, Tổng hành dinh Nhật đã phê chuẩn một văn bản quan trọng có nhan đề là "Các biện pháp đối với Đông Dương khi tình hình thay đổi" (*Josei no Henka ni Ozuru Tai-Futsuin ni Kansuru Ken*) trong đó chỉ rõ: "Mặc dù ở thời điểm này chính sách duy trì trật tự hiện tồn vẫn phải tiếp tục được thực thi ở Đông Dương, thì những sự chuẩn bị cần thiết để đối phó một khi tình hình thay đổi đột ngột phải được xúc tiến ngay" (54) ở đây, cái gọi là "*sự thay đổi đột ngột của tình hình*" được giải thích là sự thành lập một chính thể mới ở Paris (55). Trong tình huống đó, Tổng hành dinh Nhật dự kiến có thể áp dụng một trong ba

giải pháp: Thứ nhất, vẫn tiếp tục duy trì sự hợp tác với Chính quyền Decoux ở Đông Dương nếu chính quyền này cũng tiếp tục hợp tác với quân Nhật; Hoặc thứ hai, Chính quyền thực dân Pháp ở Đông Dương có thể tuyên bố tự giải thể và không thể tiếp tục cộng tác với quân Nhật nữa. Trong tình huống đó quân Nhật sẽ đặt Đông Dương dưới sự thống trị trực tiếp của mình và tiếp tục sử dụng bộ máy hành chính cũ. Tối tệ nhất là trong tình huống thứ ba, khi cả chính quyền và quân đội thực dân Pháp ở Đông Dương cùng nhất loạt chấm dứt sự hợp tác và chống lại quân đội Nhật thì lúc đó quân Nhật buộc phải thủ tiêu thiết chế thực dân Pháp bằng vũ lực (56).

Ngày 23-10-1944 Mỹ, Anh và Liên Xô tuyên bố chính thức công nhận Chính phủ de Gaulle. Sự kiện này được Bộ Ngoại giao Nhật coi như tương ứng với cái mà Tổng hành dinh dự kiến về "sự thay đổi đột ngột của tình hình" và thúc giục Tokyo sớm đi tới quyết định loại bỏ thực dân Pháp ở Đông Dương. Đề xuất này của Bộ Ngoại giao Nhật được Thủ tướng Koiso ủng hộ. Ngày 7-12-1944 Koiso đã hối thúc Tổng hành dinh Nhật xúc tiến ngay việc chuẩn bị lật đổ thực dân Pháp (57). Do đó, ngày 20-12-1944, lực lượng quân Nhật đồn trú ở Đông Dương đã được tổ chức lại thành Quân đoàn số 38 (*Dai-Sanju Hachi Gun*) với quân số tăng lên đến gần 66 nghìn và đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của Tướng Yuichi Tsuchihashi.

Sau khi nhậm chức, Tsuchihashi lập tức đích thân chỉ đạo việc chuẩn bị lực lượng và phác thảo kế hoạch cụ thể cho cuộc đảo chính quân sự ở Đông Dương. Bản kế hoạch đảo chính của Tsuchihashi mang mật danh "*Meigo Sakusen*" (*Chiến dịch ánh trăng*) bao gồm hai phần. Phần thứ nhất là kế hoạch quân sự, chủ yếu trả lời cho câu

hỏi là lật đổ chính quyền thực dân Pháp thế nào và dập tắt sự kháng cự có thể có của quân Pháp ở các vị trí chiến lược ra sao. Phần thứ hai là các vấn đề chính trị, tức là Đông Dương sẽ được cai trị như thế nào sau cuộc đảo chính? Có nên "trao trả độc lập" cho các dân tộc ở Đông Dương hay không, và nếu có thì nên trao cho ai và trao như thế nào? v.v... Phần thứ nhất của bản kế hoạch *Meigo Sakusen* được Tổng hành dinh Nhật ở Tokyo thông qua khá nhanh chóng vào ngày 1 tháng Giêng năm 1945 (58), trong khi đó phần thứ hai của bản kế hoạch này lại gặp rất nhiều rắc rối. Tsuchihashi và giới quân sự Nhật thì tuyệt đối không muốn trao trả độc lập cho các dân tộc ở Đông Dương và đề nghị đặt toàn bộ xứ này dưới chế độ quân trị (*gunsei*) của quân đội Nhật. Ngược lại, Bộ Ngoại giao và một số chính khách và tướng lĩnh Nhật lại ra sức vận động cho việc "trao trả độc lập" cho các dân tộc Đông Dương và dựng lên ở đó những chính phủ bù nhìn thân Nhật. Trong trường hợp Việt Nam, phái này chủ trương đưa hoàng thân Cường Để về nước và lập ra chính phủ thân Nhật do Ngô Đình Diệm cầm đầu. Sau nhiều ngày tranh luận gay gắt, cuối cùng vào ngày 26 tháng Giêng năm 1945 Tổng hành dinh Nhật đã chấp nhận phương án đảo chính của Tsuchihashi dùng vũ lực bất ngờ lật đổ thực dân Pháp và giúp cho ba nước ở Đông Dương *tự phát* tuyên bố thoát ly khỏi các hiệp ước bất bình đẳng với thực dân Pháp (59).

Cũng trong ngày hôm đó Tổng hành dinh Nhật thông qua nội dung bản tối hậu thư mà quân Nhật sẽ trao cho Decoux, đồng thời thúc giục Quân đoàn 38 khẩn trương thực hiện kế hoạch đảo chính. Cuối cùng, sau 54 tháng cộng tác-cộng trị với thực dân Pháp, thì tối tối ngày 9 tháng 3 năm 1945 quân

Nhật đã phát động cuộc đảo chính quân sự nhằm ngăn ngừa đòn tập hậu của quân Pháp và rảnh tay chuẩn bị đối phó với cuộc đổ bộ có thể có của quân Đồng Minh. Chỉ trong vòng khoảng 48 giờ quân Nhật đã đè bẹp sự kháng cự của quân Pháp, lật nhào chính quyền thực dân mà người Pháp đã dày công xây dựng ở Đông Dương và đẩy Việt Nam và xứ Đông Dương vào "*một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc*" (60).

CHÚ THÍCH

(32). Đó là các cuộc nổi dậy của nhóm *Phục Quốc* ở Lạng Sơn và Đồng Đăng, cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn do cán bộ địa phương của Đảng Cộng sản Đông Dương lãnh đạo vào tháng 9-1940, cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ do xứ uỷ Nam Kỳ của ĐCSĐD lãnh đạo nổ ra vào tháng 10 năm 1940 và cuộc binh biến Đô Lương-Chợ Rạng do Đội Cung lãnh đạo.

(33). Xem: Phạm Hồng Tung. "*Về bản chất phát xít của tập đoàn thống trị Decoux ở Đông Dương trong Thế chiến II*". Tạp chí NCLS, số I-II/2001, tr. 81.

(34). Xem: Phạm Hồng Tung, *bđd*, tr. 80-82.

(35). Về điểm này, xem: Phạm Hồng Tung, *Sđd*, (2001), tr. 77-88.

(36), (38), (40). Xem thêm: Marr, David G., (1995), *Sđd*, tr. 310-311, 312-313, 310.

(37). Trong thời điểm này thậm chí de Gaulle còn bị báo chí thực dân Pháp ở Đông Dương mô tả như một tên "hèn nhát", tay sai của nước Anh, đang "phản bội" lại nước Pháp. Xem: Phạm Hồng Tung, *Sđd*, (2001), tr. 77-88.

(39), (42), (43), (46), (47). Xem: Tonnesson, Stein, *Sđd*, tr. 48, 49, 50-51, 50, 50-51.

(41). Do nhiều lý do mà Tổng thống Mỹ Roosevelt luôn tỏ rõ thái độ phản đối mưu đồ khôi phục chế độ thực dân của Pháp tại Đông Dương. Tháng 9-1943 Roosevelt đã đưa ra sáng kiến đặt Đông Dương dưới chế độ uỷ trị quốc tế. Về chính sách của Mỹ đối với Đông Dương trong Thế chiến II, xin tham khảo: Tonnesson, Stein, *Sđd*, 161-172.

(44). Xem: Kiyoko Kurusu Nitz, *Sđd*, tr. 336-337.

Chính trong bối cảnh lịch sử đó, Đảng Cộng sản Đông Dương từ lâu đã phân tích chính xác bản chất của mối quan hệ cộng tác - cộng trị Nhật-Pháp và dự đoán chắc chắn về kết cục của mối quan hệ này, đã có chủ trương đúng đắn và sáng tạo lãnh đạo nhân dân ta chớp thời cơ thuận lợi, kịp thời tiến hành thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, giành độc lập dân tộc, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà vào ngày 2 tháng 9 năm 1945.

(45), (48), (50). Xem Marr (1995), *Sđd*, tr. 40, 314, 321-323.

(49). Xem: Tonnesson, Stein, *Sđd*, tr. 160. Tuy nhiên, thực tế sau này cho thấy nhận định này của Mordant vẫn còn quá lạc quan. Khi Nhật đảo chính vào 9.3.1945 quân Pháp chỉ kháng cự được không đầy 48 giờ.

(51). Đây chính là điều mà Stein Tonnesson gọi là "hệ quả nghi binh" (*deceptive effect*) của các đợt ném bom của quân Đồng Minh. Xem: Tonnesson, *sđd*, tr. 195. Một điều cần lưu ý ở đây là ngay cả Đảng Cộng sản Đông Dương cũng tính đến khả năng thực tiễn của cuộc đổ bộ của quân Đồng Minh vào Đông Dương. Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7 (1940-1945), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 372-373 và 390-391.

(52). *Mago Sakusen* có nghĩa là "chiến dịch "Ma". Ở đây chữ "Ma" bắt nguồn từ âm đầu trong tên của tướng Nhật Machijiri, Tổng tư lệnh tập đoàn quân phương Nam của Nhật ở Đông Nam Á.

(53). Xem: Kiyoko Kurusu Nitz, *Sđd*, tr. 335. Xem thêm: Masaya Shirayshi and Motoo Furuta, *Sđd*, tr. 66 -67.

(54). Dẫn theo: Masaya Shirayshi and Motoo Furuta, *Sđd*, tr. 70; Kiyoko Kurusu Nitz, *Sđd*, tr. 337.

(55), (56), (59). Masaya Shirayshi and Motoo Furuta, *Sđd*, tr. 70, 71, 81-82.

(57). Masaya Shirayshi and Motoo Furuta, *Sđd*, tr. 72-73 và Kiyoko Kurusu Nitz, tr. 338.

(58). Xem Kiyoko Kurusu Nitz, *Sđd*, tr. 341.

(60). Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 7 (1940-1945), Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr. 365. Trong công trình nghiên cứu tiếp theo chúng tôi sẽ trình bày kỹ hơn về diễn biến

và hệ quả lịch sử của cuộc đảo chính Nhật - Pháp này.